

BIỂU HIỆN CỦA KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG NGHỀ NGHIỆP Ở SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN TRONG THỰC TẬP SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ NHƯ HỒNG*

TÓM TẮT

Biểu hiện của khả năng thích ứng nghề nghiệp (TUNN) ở sinh viên sư phạm (SVSP) Trường Đại học Quy Nhơn trong thực tập sư phạm (TTSP) đạt ở mức trung bình theo thang đánh giá đã xác lập dựa trên 5 mặt biểu hiện: tâm thế nghề nghiệp; thích ứng với nội dung TTSP; thích ứng với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp (KNNN); thích ứng với các điều kiện, phương tiện TTSP; thích ứng với các mối quan hệ trong đợt TTSP. Trong đó, SVSP thích ứng tốt nhất với các mối quan hệ trong đợt TTSP và kém thích ứng hơn cả với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Từ khóa: khả năng thích ứng nghề nghiệp, thực tập sư phạm, Trường Đại học Quy Nhơn.

ABSTRACT

Manifestations of the occupational adaptation ability of Quy Nhon University's Education students during pedagogical practice

Manifestations of the occupational adaptation ability of Quy Nhon University's education students during pedagogical practice were just average on the established assessment scale with five aspects: emotional state towards the chosen career, adaptation to the contents of pedagogical practice, adaptation to occupational skill practice, adaptation to the facilities and equipment available for pedagogical practice and adaptation to the relationships set up during pedagogical practice. Among these aspects, education students adapted best to the relationships set up during pedagogical practice and worst to occupational skill practice.

Keywords: the occupational adaptation ability, pedagogical practice, Quy Nhon University's Education.

1. Đặt vấn đề

Khả năng thích ứng là một yếu tố quan trọng trong nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Trong đào tạo nghề nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng, khả năng TUNN lại càng quan trọng hơn, nhất là đối với SVSP. SVSP chính là thế hệ giáo viên - những người sẽ quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo trong

tương lai, vì thế, SVSP cần được quan tâm phát triển khả năng TUNN. Khả năng TUNN giúp SVSP nhanh chóng tiếp thu các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp; tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc lĩnh hội tay nghề. Khi ra trường, SVSP có thể nhanh chóng hòa nhập để thực hiện hoạt động nghề nghiệp có hiệu quả.

* ThS, Trường Đại học Quy Nhơn; Email: nguyennhuhong88@gmail.com

Trong chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học, TTSP chính là môi trường thuận lợi giúp SVSP chuẩn bị cho hoạt động nghề nghiệp của mình. Đây là giai đoạn khả năng TUNN của SVSP được thể hiện rõ nhất, vì trong hoạt động TTSP, SVSP có cơ hội được thử sức mình với vai trò mới – vai trò giáo viên. Thông qua đó, vận dụng những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo đã học để tiến hành hoạt động giảng dạy, giáo dục có hiệu quả, tạo điều kiện để SVSP thâm nhập môi trường thực tế học hỏi kiến thức chuyên môn, thực hành nghề nghiệp, từ đó nâng cao khả năng TUNN.

Ở Trường Đại học Quy Nhơn, SVSP năm thứ 4 ở tất cả các chuyên ngành đào tạo đều phải tham gia TTSP, do đó không tránh khỏi sự bỡ ngỡ và gặp nhiều khó khăn trong việc tìm ra cách thức phù hợp để đáp ứng yêu cầu của hoạt động TTSP. Vì vậy, để hoạt động TTSP có kết quả, SVSP phải có khả năng thích ứng với những đặc điểm, điều kiện mới của hoạt động TTSP. Ngược lại, sinh viên (SV) dễ rơi vào trạng thái thụ động, chán nản và không hoàn thành tốt đợt TTSP theo yêu cầu của nhà trường.

Xuất phát từ những lý do đó, việc tìm hiểu biểu hiện của khả năng TUNN ở SVSP Trường Đại học Quy Nhơn trong TTSP là điều cần thiết.

2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, ngoài ra còn sử dụng các

phương pháp bổ trợ như: phỏng vấn, quan sát...

Đề tài nghiên cứu trên 146 SVSP thuộc Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non nhận nhiệm vụ TTSP tại 3 Trường Tiểu học: Nguyễn Văn Cừ, Ngô Mây, Quang Trung và 3 Trường Mầm non: 2/9, Quy Nhơn, Hương Sen từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 6 năm 2014.

Công cụ nghiên cứu chính là bảng hỏi được thiết kế bao gồm 2 phần chính:

- **Phần thông tin cá nhân:** Các câu hỏi về thông tin cá nhân của SVSP gồm giới tính, tuổi, quê quán, chuyên ngành, kết quả học tập tại trường, tên trường lớp TTSP và công việc làm thêm.

- **Phần câu hỏi khảo sát:** Các câu hỏi về thực trạng khả năng TUNN của SVSP trong TTSP gồm 28 câu hỏi được chia thành các nội dung như sau:

+ **Nội dung 1:** Các câu hỏi về đánh giá chung khả năng TUNN trong TTSP (câu 6); những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng TUNN trong TTSP (câu 24); nguyên nhân SVSP chưa TUNN (câu 26); các hoạt động cụ thể SVSP mong muốn tham gia để nâng cao khả năng TUNN (câu 27); biện pháp nhằm nâng cao khả năng TUNN (câu 25, 28).

+ **Nội dung 2:** Các câu hỏi về nhận thức của SVSP về khả năng TUNN trong TTSP bao gồm: Nhận thức của SVSP về khái niệm khả năng TUNN trong TTSP (câu 1); nhận thức của SVSP về tầm quan trọng của khả năng TUNN trong TTSP (câu 2, 3); nhận thức của SVSP về các đặc điểm của khả năng TUNN trong TTSP (câu 4); nhận thức của SVSP về

các biểu hiện của khả năng TUNN trong TTSP (câu 5).

+ *Nội dung 3*: Các câu hỏi về mức độ biểu hiện của khả năng TUNN của SVSP trong TTSP gồm: Đánh giá chung mức độ biểu hiện của khả năng TUNN của SVSP trong TTSP (câu 7); tâm thế sẵn sàng TTSP (câu 8, 9, 10); thích ứng với nội dung TTSP (câu 11, 12); thích ứng với việc rèn luyện KNNN (câu 13, 14); thích ứng với các điều kiện, phương tiện TTSP (câu 15,16); thích ứng với các mối quan hệ tại nhà trường và cơ sở thực tập (câu 17, 18).

+ *Nội dung 4*: Các câu hỏi về việc giải quyết các tình huống trong TTSP thông qua tình huống giả định (câu 19, 20, 21, 22, 23).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Biểu hiện của khả năng TUNN ở SVSP trong TTSP

Kết quả nghiên cứu cho thấy số liệu đánh giá chung về các biểu hiện của khả năng TUNN của SVSP có điểm trung bình (ĐTB) tìm được là 3,38. ĐTB này ứng với mức trung bình theo thang đánh giá đã xác lập. Có thể quan sát số liệu cụ thể ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Các mặt biểu hiện TUNN của SVSP

ST T	Nội dung	ĐTB	Xếp hạng
1	Tâm thế nghề nghiệp	3,34	4
2	Thích ứng với nội dung TTSP	3,46	2
3	Thích ứng với rèn luyện KNNN	3,28	5
4	Thích ứng với các điều kiện, phương tiện TTSP	3,38	3
5	Thích ứng với các mối quan hệ trong đợt TTSP	3,49	1
	ĐTB	3,38	

Phân tích ĐTB ở từng nội dung, ta thấy ĐTB cao nhất là 3,49, ứng với biểu hiện “Thích ứng với các mối quan hệ trong đợt TTSP”. Điều này cho thấy SVSP thích ứng tốt nhất với các mối quan hệ trong đợt TTSP, kế đến là “Thích ứng với nội dung TTSP” (ĐTB = 3,46) và “Thích ứng với điều kiện, phương tiện TTSP” (ĐTB = 3,38). Đây là một tín hiệu đáng mừng cho thấy SVSP khá nhanh nhẹn trong việc thiết lập các mối quan hệ

và tổ chức nội dung TTSP cũng như sử dụng phương tiện dạy học. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra hiệu quả cho quá trình TTSP của SVSP.

ĐTB tìm được thấp nhất là 3,28, ứng với biểu hiện “Thích ứng với việc rèn luyện KNNN”. Điều này cho thấy SVSP gặp khó khăn nhất trong việc thích ứng với các hoạt động rèn KNNN, kế đến là biểu hiện “Tâm thế nghề nghiệp sẵn sàng”, cũng gây cho SVSP những khó

khăn không kém (ĐTB = 3,34). Thiết nghĩ, việc chuẩn bị tâm lí thật tốt cho đợt TTSP và rèn luyện các KNNN kĩ càng là một trong những yếu tố quyết định chất lượng của quá trình TTSP. Do vậy, cần có biện pháp giúp SVSP giảm bớt căng thẳng khi tham gia TTSP, từ đó SV tự tin thể hiện các KNNN để hoàn thành tốt đợt TTSP.

3.2. Biểu hiện cụ thể của khả năng TỰNN ở SVSP trong TTSP

3.2.1. Tâm thế nghề nghiệp (xem Bảng 2 và Bảng 3)

Chúng tôi tiến hành tìm hiểu tâm trạng của SVSP khi tham gia TTSP và những khó khăn SVSP thường gặp phải trong vấn đề này để đánh giá biểu hiện tâm thế nghề nghiệp.

Bảng 2. Tâm trạng của SVSP khi tham gia TTSP

S T T	Tâm trạng của SVSP trong đợt TTSP	Mức độ (%)					ĐTB	XH
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ		
1	Cảm thấy rất áp lực khi nghe ai đó nhắc đến việc TTSP	10,3	15,1	59,6	12,3	2,7	2,82	7
2	Cảm thấy căng thẳng mỗi khi chuẩn bị trang phục và đồ dùng đi TTSP	4,8	15,8	47,9	26,0	5,5	3,12	5
3	Cảm thấy đau đầu mỗi khi nghĩ đến việc đi TTSP	2,7	11,6	44,5	35,6	5,5	3,29	3
4	Cảm thấy mệt mỏi mỗi lần họp chuẩn bị cho đợt TTSP	2,1	6,2	41,8	39,7	10,3	3,50	2
5	Cảm thấy sợ hãi mỗi khi nói chuyện với giáo viên hướng dẫn	3,4	3,4	22,6	43,8	26,7	3,87	1
6	Cảm thấy run rẩy mỗi khi sắp vào tiết giảng cho học sinh (HS)	8,9	12,3	50,0	22,6	6,2	3,05	6
7	Cảm thấy mất bình tĩnh khi tổ chức sinh hoạt lớp hoặc họp phụ huynh HS	6,2	10,3	44,5	32,9	6,2	3,23	4
	Tổng	5,5	10,7	44,4	30,4	9,0	3,27	

Bảng 2 cho thấy tâm trạng của SVSP khi tham gia TTSP có ĐTB tìm được là 3,27, ứng với mức trung bình trong thang đánh giá đã xây dựng. Phân tích trên tỉ lệ phần trăm thì có đến 16,2% SV “rất thường xuyên” và “thường

xuyên” gặp phải những tâm trạng tiêu cực trong quá trình tham gia TTSP, 44,4% SV thỉnh thoảng gặp phải, 30,4% hiếm khi gặp, chỉ có 9,0% ý kiến cho rằng không bao giờ gặp những tâm trạng tiêu cực khi tham gia TTSP. So sánh

ĐTB tìm được ở từng tâm trạng thì có đến 5/7 tâm trạng được nêu có ĐTB dao động từ 2,82 đến 3,12, ứng với mức trung bình trong thang đánh giá chung. Chỉ có 2/7 tâm trạng có ĐTB đạt ở mức cao, nhưng điểm đạt được cũng chỉ nằm ở cận

dưới trong thang điểm này. Như vậy, trong quá trình chuẩn bị tham gia TTSP, đa số SVSP có tâm trạng lo lắng, hồi hộp, điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hoạt động TTSP.

Bảng 3. Những khó khăn của SVSP biểu hiện ở tâm thế nghề nghiệp

STT	Khó khăn của SVSP	Mức độ (%)					ĐTB	XH
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ		
1	Khó khăn trong việc làm chủ cảm xúc của bản thân	2,7	16,4	65,1	15,8	0	2,94	10
2	Run rẩy, nói lắp bắp mỗi lần tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm và họp phụ huynh HS	1,3	15,1	52,1	28,1	3,4	3,17	9
3	Không nhận được sự hỗ trợ và hợp tác của HS trong quá trình TTSP	2,1	7,5	60,3	27,4	2,7	3,21	8
4	Không nhận được sự tôn trọng của HS	0,7	5,5	47,2	38,4	8,2	3,48	6
5	Bị các HS cá biệt chọc ghẹo, phá phách	0,7	7,5	37,7	42,5	11,6	3,57	4
6	Bị GVHD quát mắng mỗi lúc tức giận	0	5,6	39,0	48,6	6,8	3,57	3
7	Bị phụ huynh mách lại với GVHD mỗi khi không hài lòng về mình	0	7,6	36,3	48,6	7,5	3,56	1
8	Không nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của các thành viên trong nhóm thực tập	0	6,2	42,5	44,5	6,8	3,52	2
9	Mặc cảm mình chỉ là SV thực tập mà thôi	2,7	11,0	30,1	45,2	11,0	3,51	5
10	Lúng túng mỗi khi sử dụng trang thiết bị hiện đại để giảng dạy	2,7	6,8	54,2	28,1	8,2	3,32	7
	Tổng	1,3	8,9	46,5	36,7	6,6	3,38	

Bảng 3 cho thấy những khó khăn của SVSP biểu hiện ở tâm thế có ĐTB tìm được là 3,38, ứng với mức trung bình của thang đo khả năng TUNN được xác lập. Điều này cho thấy trong quá trình TUNN, SVSP gặp không ít khó khăn. Điều này được minh chứng cụ thể qua phân tích tỉ lệ phần trăm. Có đến 10,2% SV “rất thường xuyên” và “thường xuyên” gặp khó khăn, 46,5% SV “thỉnh thoảng” gặp khó khăn, chỉ có 6,6% SV cho rằng “không bao giờ” gặp phải khó khăn trong quá trình chuẩn bị tâm thế TTSP.

Trong các khó khăn kể trên, khó khăn có ĐTB thấp nhất là “Khó khăn trong việc làm chủ cảm xúc của bản thân” với ĐTB = 2,94, khó khăn có ĐTB cao nhất là “Bị phụ huynh mách lại với giáo viên hướng dẫn mỗi khi không hài lòng về

mình” với ĐTB = 3,56. Điều này cho thấy SVSP gặp khó khăn nhiều nhất trong việc làm chủ cảm xúc của bản thân và ít gặp khó khăn hơn ở những nội dung có liên quan đến phụ huynh HS, giáo viên...

3.2.2. Nội dung TTSP (xem Bảng 4)

Khả năng thích ứng với nội dung TTSP của SVSP có ĐTB là 3,46, ứng với mức cao trong thang đánh giá. Phân tích trên tỉ lệ phần trăm cho thấy có 2,7% đạt ở mức “rất cao”, 44,0 % đạt ở mức “cao” và 49,5 % đạt ở mức “trung bình”.

Có thể nói rằng, SVSP có khả năng nắm bắt, triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung TTSP như giảng dạy, giáo dục, tìm hiểu thực tế giáo dục ở nhà trường và địa phương. Tuy nhiên vẫn còn 3,9 % SV đạt ở mức “thấp” và “rất thấp” trong việc thích ứng với nội dung TTSP.

Bảng 4. Khả năng thích ứng với nội dung TTSP của SVSP

S T T	Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	XH
		Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp		
1	Nắm bắt đầy đủ nội dung thực tập giảng dạy trong hoạt động TTSP	4,1	50,7	44,5	0,7	0	3,58	2
2	Triển khai nhanh chóng nội dung thực tập giảng dạy trong hoạt động TTSP	1,4	54,1	44,5	0	0	3,57	3
3	Tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung thực tập giảng dạy trong hoạt động TTSP	2,1	54,1	40,4	3,4	0	3,55	4
4	Nắm bắt đầy đủ nội dung thực tập giáo dục trong hoạt động TTSP	4,1	58,2	35,6	2,1	0	3,64	1
5	Triển khai nhanh chóng nội dung thực tập giáo dục trong hoạt động TTSP	2,7	46,6	49,3	1,4	0	3,51	5
6	Tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung thực tập giáo dục trong hoạt động TTSP	4,1	41,8	49,3	4,1	0,7	3,45	6

7	Nắm bắt được cách thức tìm hiểu tình hình thực tế giáo dục tại nhà trường và địa phương	1,4	31,5	63,0	3,4	0,7	3,29	7
8	Triển khai nhanh chóng nội dung tìm hiểu tình hình thực tế giáo dục ở nhà trường và địa phương	2,1	31,4	56,2	10,3	0	3,25	8
9	Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tìm hiểu tình hình thực tế giáo dục ở nhà trường và địa phương	2,1	27,3	62,3	6,2	2,1	3,21	9
Tổng		2,7	44,0	49,5	3,5	0,4	3,46	

Những nội dung TTSP ở trên được phân bố thành 2 nhóm rõ rệt. Nhóm các nội dung 1, 2, 3, 4, 5, 6 lần lượt xếp hạng 2, 3, 4, 1, 5, 6 ứng với ĐTB đều nằm ở mức cao của thang đánh giá chuẩn đã xác lập. Đây là những nội dung có liên quan đến công tác thực tập giảng dạy và giáo dục. Nhóm các nội dung còn lại có ĐTB nằm ở mức trung bình (điểm số dao động từ 3,21 đến 3,29). Đây là những nội dung có liên quan đến công tác tìm hiểu thực tế giáo dục ở nhà trường và địa phương. Điều này cho thấy rằng SVSP chú trọng đến việc thích ứng với nội dung thực tập giảng dạy và giáo dục hơn là tìm hiểu thực tế giáo dục ở nhà trường và địa phương, thậm chí một số SVSP còn không biết trong nội dung TTSP có yếu tố này. Chia sẻ với chúng tôi, SV Đ. T. T. nói: “Bấy lâu nay em chỉ nghe nói thực

tập giảng dạy và giáo dục thôi, tìm hiểu thực tế giáo dục ở nhà trường và địa phương hình như không có tính điểm thì phải?” Rõ ràng đây là một suy nghĩ rất chủ quan, nó phản ánh sự thiếu hiểu biết của SVSP đối với nội dung TTSP.

3.2.3. Thích ứng với việc rèn luyện KNNN (xem Bảng 5)

Kết quả điều tra cho thấy ĐTB mức độ thích ứng của SVSP với việc rèn luyện KNNN tìm được là 3,28, ứng với mức trung bình trong thang đánh giá đã xác lập. Phân tích tỉ lệ phần trăm thì có 42,0% SV đạt ở mức cao và rất cao; 50,5% SV đạt ở mức trung bình và 7,5% SV đạt ở mức thấp và rất thấp. Như vậy, SVSP bước đầu đã có những thích ứng nhất định với việc rèn luyện KNNN, tuy nhiên chỉ ở mức độ trung bình mà thôi.

Bảng 5. Mức độ thích ứng với việc rèn luyện KNNN của SVSP

S T T	Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	XH
		Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp		
1	Rèn luyện kỹ năng soạn giáo án giảng dạy	6,2	58,2	34,9	0,7	0	3,70	1
2	Rèn luyện kỹ năng soạn giáo án chủ nhiệm lớp	6,8	54,1	37,0	2,1	0	3,66	2

3	Khả năng thích ứng với việc rèn luyện tập giảng	1,4	56,8	36,3	4,8	0,7	3,53	3
4	Rèn luyện tập sinh hoạt lớp, họp phụ huynh HS	2,1	30,8	61,6	5,5	0	3,29	5
5	Rèn luyện phát âm chuẩn	3,4	44,5	49,3	2,8	0	3,49	4
6	Rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm	3,4	30,1	57,5	8,3	0,7	3,27	6
7	Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa	0,7	21,8	60,3	15,1	2,1	3,04	7
8	Rèn luyện kỹ năng ra đề kiểm tra, chấm bài	1,4	14,4	67,1	12,3	4,8	2,95	8
	Tổng	3,2	38,8	50,5	6,5	1,0	3,28	

So sánh xếp hạng của các nội dung trong Bảng 5 cho thấy ĐTB dao động ở mức cao đối với các tiêu chí: kỹ năng soạn giáo án giảng dạy, kỹ năng soạn giáo án chủ nhiệm lớp, kỹ năng rèn luyện tập giảng và rèn luyện phát âm chuẩn. Đây là một tín hiệu đáng mừng cho thấy SVSP dường như thích ứng tốt với các hoạt động này. Lí giải cho vấn đề này, chúng ta có thể thấy rằng, đây là những kỹ năng mà SVSP được giảng dạy và rèn luyện thường xuyên ở trường sư phạm. Ngoài ra, SVSP cũng tích cực tập giảng, nhất là trong giai đoạn TTSP tại các trường thì việc tập giảng được tăng cường lên gấp nhiều lần.

Tuy nhiên, vẫn có một số SVSP chưa thực sự tích cực trong quá trình tập giảng, không chịu khó liên hệ mượn phòng hoặc tập giảng chung với nhóm bạn, ứng với 5,5% SV ở mức “thấp” và “rất thấp” ở hoạt động này. Các nội dung còn lại có ĐTB dao động từ 2,95 đến 3,29, ứng với mức trung bình trong thang đánh giá gồm có: kỹ năng ra đề, chấm bài, kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa, kỹ năng xử lý

các tình huống sư phạm, kỹ năng sinh hoạt lớp, họp phụ huynh HS. Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, cô D. B. D. cho biết: “Hiện tại các em không được thực hành kỹ năng ra đề chấm bài trong chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, các giáo viên thường chú trọng đến kỹ năng soạn giáo án và tập giảng hơn, việc ứng xử trong từng tình huống sư phạm thì các em phải tự về nhà đọc sách thêm”. Qua quan sát trong các tiết giảng đánh giá ở cơ sở TTSP, chúng tôi cũng nhận thấy rằng SVSP có ý thức chuẩn bị bài giảng rất tốt nhưng thường không nhanh và nhạy bén trong các tình huống sư phạm như: đặt câu hỏi mà HS không phát biểu, hết bài mà chưa hết giờ...

Nguyên nhân của thực trạng này có thể do SVSP không được hướng dẫn cụ thể trong trường sư phạm, chủ yếu dựa vào khả năng và kinh nghiệm của bản thân để tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, SVSP không có điều kiện để thực hành các kỹ năng này trong điều kiện thật.

3.2.4. Thích ứng với các điều kiện phương tiện TTSP (xem Bảng 6)

Bảng 6. Mức độ thích ứng với các điều kiện phương tiện của SVSP

S T T	Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	XH
		Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp		
1	Sử dụng máy vi tính cho việc soạn thảo văn bản: soạn giáo án, các loại văn bản thông thường...	2,7	43,8	38,4	11,6	3,5	3,31	3
2	Sử dụng máy chiếu cho việc giảng bài, thuyết trình, báo cáo...	2,7	3,4	42,5	37,7	13,7	3,23	4
3	Sử dụng các đồ dùng dạy học truyền thống: tranh ảnh, mô hình, vật thật	4,7	50,0	37,0	6,2	2,1	3,49	2
4	Thích ứng với các điều kiện lớp học: không gian lớp học, ánh sáng, bàn ghế, vệ sinh...	4,8	52,7	32,9	8,9	0,7	3,52	1
	Tổng	3,7	37,5	37,7	16,1	5,0	3,38	

Bảng 6 cho thấy SVSP thích ứng với điều kiện phương tiện TTSP ở mức trung bình với ĐTB tìm được là 3,38. Phân tích tỉ lệ phần trăm thì có đến 78,9% SV có khả năng thích ứng dao động từ mức trung bình đến rất cao. Tuy nhiên, vẫn còn 21,1% SV có mức độ thích ứng thấp và rất thấp.

Ở từng nội dung cụ thể, ĐTB tìm được ở mức cao lần lượt là 3,52 và 3,49, ứng với 2 nội dung “Thích ứng với các điều kiện lớp học: không gian lớp học, ánh sáng, bàn ghế, vệ sinh...” và “Sử dụng các đồ dùng dạy học truyền thống: tranh ảnh, mô hình, vật thật”; SVSP thích ứng ở mức trung bình đối với 2 nội dung “Sử dụng máy chiếu cho việc giảng bài, thuyết trình, báo cáo...” và “Sử dụng máy vi tính cho việc soạn thảo văn bản: soạn giáo án, các loại văn bản thông

thường”. Điều này cho thấy SVSP có mức độ thích ứng cao với các điều kiện lớp học cũng như việc sử dụng đồ dùng dạy học truyền thống hơn là các phương tiện kĩ thuật hiện đại. Hiện nay, việc sử dụng các đồ dùng dạy học truyền thống được sử dụng khá rộng rãi ở các trường tiểu học và mầm non do tính trực quan, cụ thể và gần giống với vật thật của nó. Đối với ngành Giáo dục Mầm non, SVSP không chỉ sử dụng những đồ dùng dạy học truyền thống sẵn có mà họ còn tự làm thêm nhiều đồ dùng mới phục vụ cho việc giảng dạy của mình. Do đó SVSP thích ứng với việc sử dụng đồ dùng dạy học truyền thống là điều hoàn toàn dễ hiểu.

3.2.5. Thích ứng với các mối quan hệ trong đợt TTSP

Bảng 7. Mức độ thích ứng với các mối quan hệ trong đợt TTSP

S T T	Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	XH
		Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp		
1	Thích ứng với mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn	2,1	47,3	43,8	6,8	0	3,45	3
2	Thích ứng với mối quan hệ với các thầy cô giáo khác tại cơ sở thực tập	0	43,1	51,4	5,5	0	3,40	4
3	Thích ứng với mối quan hệ với các cán bộ và nhân viên phòng ban	0	32,2	54,8	13,0	0	3,19	6
4	Thích ứng với mối quan hệ với HS	11,0	47,9	32,2	8,9	0	3,63	1
5	Thích ứng với mối quan hệ với phụ huynh HS	1,4	22,6	71,2	4,8	0	3,21	5
6	Thích ứng với mối quan hệ với các SV thực tập khác	6,2	41,8	43,8	8,2	0	3,48	2
	Tổng	3,5	39,2	49,5	7,9	0	3,49	

Bảng 7 cho thấy khả năng thích ứng với mối quan hệ tại nhà trường và cơ sở thực tập có ĐTB là 3,49, ứng với mức trung bình trong thang đo đánh giá. Như vậy, SVSP có sự thích ứng tương đối tốt với các mối quan hệ tại nhà trường và cơ sở thực tập. Phân tích trên tỉ lệ phần trăm cũng cho thấy tỉ lệ SV thích ứng ở mức cao và rất cao, chiếm 42,7%, mức trung bình chiếm 49,5%, mức thấp chiếm 7,9%, đặc biệt không có SV nào thích ứng ở mức rất thấp.

Phân tích kết quả xếp hạng ở từng nội dung cho thấy nhóm nội dung xếp hạng từ 1 đến 3, ứng với ĐTB dao động từ 3,45 đến 3,63, bao gồm các mối quan hệ với HS, SV thực tập và giáo viên hướng dẫn. Nhóm nội dung xếp hạng từ 3 đến 6, ứng với điểm trung bình dao động từ 3,19 đến 3,4; bao gồm các mối quan hệ với phụ huynh HS, nhân viên phòng ban và thầy cô khác trong cơ sở thực tập. Điều này cho

thấy, SVSP dễ dàng thiết lập mối quan hệ hơn với những người mà họ thường xuyên tiếp xúc trong quá trình TTSP tại cơ sở thực tập như: HS, SV thực tập và giáo viên hướng dẫn. Thế nhưng lại rất khó thiết lập mối quan hệ hơn với phụ huynh HS, nhân viên phòng ban và thầy cô khác trong cơ sở thực tập - những người mà họ ít tiếp xúc trong quá trình TTSP.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu biểu hiện của khả năng TUNN ở SVSP Trường Đại học Quy Nhơn đạt ở mức trung bình theo thang đánh giá đã xác lập. Trong các biểu hiện đánh giá khả năng TUNN, SVSP có ĐTB thấp nhất ở biểu hiện “thích ứng với việc rèn luyện các KNNN”. Tiếp đến là biểu hiện “tâm thế nghề nghiệp”, đều ứng với mức “trung bình” theo thang đánh giá đã xác lập. Ngược lại, SVSP thích ứng tốt nhất với biểu hiện hiện “thích ứng với các

mối quan hệ trong đợt TTSP” và “thích ứng với điều kiện phương tiện TTSP”. Điều này cho thấy SVSP có khả năng thích ứng tốt hơn với việc thiết lập mối quan hệ và sử dụng điều kiện phương tiện dạy học. Ngược lại, việc chuẩn bị tâm thế TTSP và rèn luyện các KNNN lại mang đến nhiều khó khăn cho SVSP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Chính, Phạm Trung Thanh (1999), *Kiến tập và thực tập sư phạm (Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm)*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Văn Hộ (2000), *Thích ứng sư phạm*, Nxb Giáo dục.
3. Phạm Trung Thanh (chủ biên) (2007), *Giáo trình thực tập sư phạm năm thứ ba*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Thúc, Nguyễn Minh Huyền (2000), “Phát triển khả năng thích ứng với hình thức hoạt động giải quyết tình huống sư phạm cho sinh viên”, *Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục*, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Huỳnh Văn Sơn (chủ nhiệm đề tài) (2012), *Thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đợt thực tập sư phạm theo hình thức gửi thẳng*, Đề tài Khoa học công nghệ cấp Cơ sở.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-4-2015; ngày phản biện đánh giá: 18-5-2015;
ngày chấp nhận đăng: 16-10-2016)